

Bản án số: 185/2017/DS-PT

Ngày: 15-12-2017

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khánh Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Mai Thiện Kế

Bà Tăng Thị Thúy Nga

Thư ký phiên toà: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 243/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc B, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Trú tại: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1970 (có mặt).

Trú tại: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hà Văn T, sinh năm 1970 (có mặt).

Trú tại: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Ông Hà Văn Út C, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Trú tại: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Văn Út C: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Trần Thị T (có mặt).

Trú tại: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4.2. Ông Hà Văn T1 (có mặt).

Trú tại: Khóm H, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4.3. Ông Hà Văn T2 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp Đ, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn như sau:

Vào năm 2016, bà Phạm Thị K có vay của bà tổng số tiền là 900.000.000 đồng, với lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là khi nào cần thiết thì bà sẽ lấy lại vốn, mục đích vay là tiêu xài trong gia đình, việc vay tiền có làm biên nhận do chính bà K ghi vào sổ tay riêng của bà B, với các lần vay như sau: Vào ngày 19-4-2016 âm lịch, vay 100.000.000 đồng; vào ngày 20-6-2016 âm lịch, vay 50.000.000 đồng; vào ngày 02-7-2016 âm lịch, vay 100.000.000 đồng; vào ngày 17-7-2016 âm lịch, vay 150.000.000 đồng; vào ngày 06-8-2016 âm lịch, vay 200.000.000 đồng; vào ngày 11-8-2016 âm lịch, vay 50.000.000 đồng; vào ngày 16-10-2016 âm lịch, vay 100.000.000 đồng; vào ngày 26-11-2016 âm lịch, vay 150.000.000 đồng. Các lần vay lãi suất 4%/tháng. Bị đơn trình bày lãi suất bạc 4,5%, 5% là không có. Tuy nhiên, kể từ khi vay tiền của bà B đến nay thì bà K chỉ trả tiền vốn cho bà B 02 lần được 100.000.000 đồng (*Trả lần đầu 50.000.000 đồng vào ngày 25-12-2016 âm lịch; trả lần thứ hai 50.000.000 đồng vào ngày 13-3-2017 âm lịch*).

Từ ngày vay cho đến nay vẫn không đóng lãi cho bà B lần nào hết và cố tình né tránh chỉ hứa cho qua lẹ. Việc yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01-01-2017 âm lịch là tạo điều kiện thuận lợi cho phía bị đơn có cơ hội trả nợ hơn, phía bà B không có yêu cầu tính lãi từ ngày vay theo sổ ghi nợ. Nay bà B yêu cầu bà Phạm Thị K và ông Hà Văn T cùng liên đới trả số tiền vốn vay 800.000.000 đồng và tiền lãi là 106.240.000 đồng (Tạm tính từ ngày 01-01-2017 âm lịch đến ngày khởi kiện với lãi suất 1,66%/tháng). Đồng thời, yêu cầu ông T và bà K phải trả tiền lãi theo pháp luật đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01-01-2017 âm lịch (Nhằm ngày 28-01-2017 dương lịch) đến khi xét xử với mức 1,125%/tháng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 28-8-2017, bị đơn bà Phạm Thị K trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà B, nhưng số tiền này không phải là chi xài trong gia đình, do bà B đưa tiền cho bà vay để bà cho người khác vay lại kiếm tiền xài, bà cũng thống nhất còn thiếu bà B số tiền 800.000.000 đồng, bà cũng đồng ý trả nhưng do người ta dặt nợ bà quá nên không có khả năng trả 01 lần xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền trên. Phía nguyên đơn trình bày từ lúc vay đến nay bà không đóng tiền lãi là không đúng sự thật và các lần bà vay tiền lãi suất 4%/tháng cũng không đúng, cụ thể bà ghi vào sổ của bà B như sau: Vào ngày 02-7-2016 vay 100.000.000 đồng = 5 triệu là 5%/tháng; vào ngày 06-8-2016 vay 200.000.000 đồng = 8 triệu là 4%/tháng; vào ngày 11-8-2016 vay 50.000.000 đồng = 2 triệu là 4%/tháng; vào ngày 17-7-2016 vay 150.000.000 đồng = 6 triệu là 4%/tháng; vào ngày 19-4-2016 vay 100.000.000 đồng = 4 triệu là 4%/tháng; vào ngày 20-6-2016 vay 50.000.000 đồng = 2 triệu là 4%/tháng; vào ngày 16-10-2016 vay 100.000.000 đồng = 5 triệu là 5%/tháng; vào ngày 26-11-2016 vay 150.000.000 đồng = 6,750 triệu là 4,5%/tháng.

Tất cả ngày vay đều là ngày âm lịch. Bà đóng lãi đến ngày 01-01-2017 âm lịch thì không có khả năng đóng nữa và ngưng đóng cho đến nay. Các lần đóng lãi cho phía bà B có bà Trần Thị T, địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng chứng kiến.

Yêu cầu không tính lãi suất cho bà vì hiện tại gia đình bà quá khó khăn, những người đã dặt nợ vợ chồng bà không còn đóng lãi nữa, số tiền này vợ chồng bà cho người ta vay lại thì vợ chồng bà sẽ chịu trách nhiệm với vợ chồng bà B, còn đối với những người vợ chồng bà cho vay nếu không trả cho vợ chồng bà thì vợ chồng bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Tại phiên tòa, bà K cho rằng, nếu nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với vợ chồng bà thì bà yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đối với các khoản tiền vay cho đến ngày 01-01-2017 âm lịch và khấu trừ vào tiền vốn vay và yêu cầu cho vợ chồng trả hàng tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 28-8-2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của vợ ông là bà Phạm Thị K.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc vợ chồng bà Phạm Thị K và ông Hà Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Ngọc B số tiền vốn là 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 69.300.000 đồng (*Sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng*).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Ngọc B có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Phạm Thị K và ông Hà Văn T còn phải trả lãi cho bà B theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền vốn chậm thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 02-10-2017, bà Phạm Thị K kháng cáo bản án sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa bản án dân sự sơ thẩm như sau:

- Do bị người khác dứt nợ, hoàn cảnh quá khó khăn, cùng một lúc trả nợ cho nhiều người nên chỉ có khả năng trả cho bà B mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- Bà đã đóng lãi cho bà B đầy đủ, tính lại lãi suất bà đã đóng cho bà B 141.000.000 đồng để khấu trừ vào tiền vốn.

- Xem xét cho bà vì bà không có khả năng đóng lãi cho bà B số tiền 69.300.000 đồng.

- Lúc bà bị người khác dứt nợ, bà B có hứa cho bà nuôi hui để trả vốn 800.000.000 đồng cho bà B, hui chưa hốt được bà B đi kiện là sai lời hứa. Bà có tường trình gửi Tòa án và có nhân chứng bị dứt nợ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Lê Ngọc B không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Phạm Thị K giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa người làm chứng là ông Hà Văn T2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng là ông Hà Văn T2.

[2]. Về nội dung vụ án:

Trong đơn kháng cáo, bà K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, trong đó có số tiền vay 800.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn bà K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Văn T đều thừa nhận số tiền 800.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Ngọc B là số tiền gốc mà bị đơn hiện còn thiếu chưa trả cho nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử công nhận hiện bị đơn Phạm Thị K còn nợ của nguyên đơn Lê Ngọc B số tiền gốc 800.000.000 đồng là sự thật.

Về lãi suất: Tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận khi vay các bên có thỏa thuận về lãi suất, do đó Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có lãi. Tại phiên tòa các bên không thống nhất được với nhau về mức lãi suất, nguyên đơn cho rằng lãi là 4%/tháng, bị đơn cho rằng có nhiều mức lãi suất là 4%, 4,5%, 5%, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam qui định là 1.125%/tháng. Xét thấy mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là quá cao so với qui định của pháp luật. Nay nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất là 1.125%/tháng là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa bị đơn cho rằng từ khi vay lần đầu tiên là ngày 19-4-2016 cho đến tháng 12-2016 bị đơn đã đóng lãi đầy đủ cho nguyên đơn nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh cho việc bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn đầy đủ như bị đơn trình bày. Các nhân chứng mà bị đơn đưa ra là bà Trần Thị T và ông Hà Văn T1 trình bày tại phiên tòa phúc thẩm đều khai rằng họ không biết là tiền lãi của khoản vay nào, số tiền đưa là bao nhiêu và chỉ nghe nói lại. Do đó chưa đủ cơ sở để chấp nhận lời khai của các nhân chứng và phần trình bày về việc đóng lãi của bị đơn.

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 qui định về lãi suất nên cấp sơ thẩm buộc bà K phải trả tiền lãi vay theo hợp đồng vay tiền với mức lãi suất 1.125%/tháng với số tiền 69.300.000 đồng là có cơ sở.

Đối với việc bà cho rằng bà B hứa cho bà nuôi hụi để trả số tiền 800.000.000 đồng thấy rằng: Tại phiên tòa bà K không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho việc bà B hứa với mà như bà trình bày. Do đó không có cơ sở để chấp nhận phần trình bày này của bà.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng kháng cáo của bà K chưa đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bà K phải chịu án phí phúc thẩm đối với kháng cáo không được chấp nhận theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị K về yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Phần quyết định của bản án được giữ nguyên như sau:

“Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc vợ chồng bà Phạm Thị Kiều và ông Hà Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Ngọc Bình số tiền vốn là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và tiền lãi là 69.300.000 đồng (Sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Ngọc B có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Phạm Thị K và ông Hà Văn T còn phải trả lãi cho bà B theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền vốn chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị K và ông Hà Văn T phải chịu 38.079.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Ngọc B được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 22.656.000 đồng, theo biên lai thu số 0007980, ngày 10-8-2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.”

** Án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị K phải chịu 300.000 đồng. Bà K được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008006 ngày 02-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà K đã nộp xong án phí phúc thẩm.*

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khánh Hùng